

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: Đồng

A. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC THAI SẢN Chi trả chi phí y tế thực tế của Người được bảo hiểm	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM			
	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Phạm vi địa lý	Toàn cầu			
Đồng chi trả	20% hoặc 0% được ghi trên Chứng nhận bảo hiểm			
Hạn mức chi trả tối đa/Năm hợp đồng	15 triệu	25 triệu	35 triệu	55 triệu
Quyền lợi nhân đôi hạn mức (Áp dụng trong trường hợp Người được bảo hiểm sinh từ 2 con trở lên trong cùng 1 lần sinh)	15 triệu	25 triệu	35 triệu	55 triệu
A1. QUYỀN LỢI SINH CON				
1. Chi phí Sinh thường	Chi phí y tế thực tế			
2. Chi phí Sinh mổ	Chi phí y tế thực tế			
3. Chi phí Chăm sóc trẻ sơ sinh (Trong vòng 7 ngày sau sinh)	Chi phí y tế thực tế			
4. Chi phí y tế chăm sóc thai sản	Mức giới hạn phụ			
4.1. Tiền phòng/Ngày nằm viện	1,5 triệu	2,5 triệu	3 triệu	6 triệu
4.2. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU) /Ngày nằm viện	2,1 triệu	3,15 triệu	5,25 triệu	Chi phí y tế thực tế
A2. QUYỀN LỢI KHÁM THAI				
Chi phí Khám thai/Năm hợp đồng	Mức giới hạn phụ			
	1,5 triệu	2,5 triệu	3 triệu	6 triệu

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: Đồng

B. QUYỀN LỢI BIẾN CHỨNG THAI SẢN (Số tiền chi trả cố định/Biến chứng thai sản)	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM			
	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
B1. QUYỀN LỢI BIẾN CHỨNG THAI SẢN PHỔ BIẾN				
1. Thai chết lưu từ tuần thai thứ 20 trở đi	1,5 triệu	2,5 triệu	3,5 triệu	5,5 triệu
2. Thai trứng				
3. Thai ngoài tử cung				
4. Thuyên tắc ối				
5. Vỡ tử cung				
6. Băng huyết sau khi sinh cần cắt tử cung				
7. Sốt nhau thai trong tử cung sau sinh có gây biến chứng nhiễm trùng				
8. Phá thai điều trị theo chỉ định của Bác sĩ				
B2. QUYỀN LỢI BIẾN CHỨNG THAI SẢN NGHIÊM TRỌNG				
1. Nhau bong non	3 triệu	5 triệu	7 triệu	11 triệu
2. Sản giật				
3. Gan nhiễm mỡ cấp tính thai kỳ				
4. Đông máu nội mạch rải rác				
5. Thuyên tắc phổi khi mang thai				
6. U nguyên bào nuôi thai kỳ				